

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 14.6.2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Vũ

2. Ông Lâm Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Kim Ph**, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (*có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: **Ông Nguyễn Trung K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã TY A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 23 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ph và ông K tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2013. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 06/9/2013. Bà Ph và ông K chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong lúc vợ chồng làm thuê trên Thành phố Hồ Chí Minh thì ông K tự ý bỏ đi, từ đó đến nay không còn liên lạc. Bà Ph và ông K sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Ph và ông K có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 17/6/2014 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/6/2014. Các con đang được bà Ph nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông K không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Bà Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông K; yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trung K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông K.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ph và ông K kết hôn cơ sở tự nguyện, được bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2013. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 06/9/2013. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông K là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của bà Ph*: Bà Ph cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cự cãi. Trong lúc vợ chồng làm thuê trên Thành phố Hồ Chí Minh, ông K tự ý bỏ đi, từ đó đến nay không còn liên lạc. Bà Ph và ông K sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông K. Tuy nhiên ông K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ph và ông K kéo dài nhưng hai bên không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Bà Ph và ông K sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của bà Ph và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông K.

[4] *Về con chung*: Bà Ph xác nhận trong quá trình chung sống với ông K có sinh được hai người con tên Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 17/6/2014, giới tính nam và Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/6/2014, giới tính nam. Các con đang được bà Ph nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Phương yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung.

Xét thấy các con đang sống ổn định với bà Ph, được chăm sóc và phát triển như những đứa trẻ cùng trang lứa. Tại phiên tòa bà Ph khai đang làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai người con chung cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Ph không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Ph và các thành viên gia đình không được cản trở ông K thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông K không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim Ph được ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 17/6/2014, giới tính nam và Nguyễn Gia L, sinh ngày 17/6/2014, giới tính nam cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Ph và cháu L đang sống với bà Ph).

Bà Ph không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Ph và các thành viên gia đình không được cản trở ông K thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông K không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006859, ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Chính